

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 10 năm 2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê, ông Bùi Văn Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung, thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Đinh Thanh H, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị T (Chị T) trình bày:

Chị với anh Đinh Thanh H là vợ chồng và có 01 con chung. Trong quá trình chung sống, anh chị có quá nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh H đã sống ly thân. Hiện nay, anh H đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ, Bộ công an, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng giao con chung cho anh H, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đinh Thanh H (Anh H) trình bày:

Anh với chị T là vợ chồng và có 01 con chung (Đinh Phạm N. A, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2018). Quá trình chung sống, anh và chị T không có gì mâu thuẫn nên anh

không đồng ý ly hôn và không đồng ý giao con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Tại các Biên bản xác minh ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã E và Hội phụ nữ xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cung cấp nội dung sau:

Về tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T cụ thể như thể nào thì chính quyền địa phương không nắm rõ, chỉ biết anh H và chị T thường xuyên cãi nhau, xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân gia đình không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020. Anh H là người nghiện ma túy và hiện là bị án đang chấp hành án phạt tù.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh H hiện đang chấp hành hình phạt tù nên không có mặt. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T cho chị T ly hôn với anh H. Giao con chung cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Chị T và anh H là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung. Hiện nay, anh chị không còn sống chung với nhau. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Chị T khởi kiện và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Anh H có nơi cư trú ở thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Tòa đã triệu tập hợp lệ nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ nên vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của BLTTDS tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, thì HĐXX xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, anh H và chị T phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị đã sống ly thân. Anh H là người nghiện ma túy và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị Thẩm đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với thông tin về tình trạng hôn nhân mà Ủy ban nhân dân xã E và Hội phụ nữ xã E cung

cấp nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, cho chị T ly hôn với anh H.

+ Về con chung:

Anh H và chị T có 01 con chung (Cháu Đình Phạm N. A). Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng giao cho anh H nuôi dưỡng, anh H đồng ý (Không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng). Tuy nhiên xét thấy hiện nay anh H đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam và để đảm bảo quyền và lợi ích của cháu N.A, Tòa án giao cháu N.A cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung:

Chị T, anh H không không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí:

Vì chị T là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở thôn, buôn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 65; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị T ly hôn với anh Đình Thanh H.

+ Về con chung: Giao cháu Đình Phạm N.A, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2018 cho chị Phạm Thị T, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho tới tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Anh H có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

2. Về án phí: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Phạm Thị T.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Chị Phạm Thị T và anh Đình Thanh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG